

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH THỦY**

Số: 299/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Vĩnh Thủy, ngày 02 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và hỗ trợ kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai năm 2024, 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VĨNH THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Căn cứ Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3295/QĐ-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách cho các địa phương hỗ trợ kinh phí sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật theo Nghị định 09/2025/NĐ-CP của Chính phủ (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách cho các xã, phường kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh Tả lợn Châu Phi gây ra năm 2025 (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 981/QĐ-UBND ngày 24/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phân bổ và giao bổ sung dự toán chi ngân sách cho các xã, phường kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh Tả lợn Châu Phi gây ra năm 2025 (lần 2-đợt 1);

Căn cứ danh sách đề nghị hỗ trợ kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai và dịch bệnh năm 2024, 2025 của các Thôn.

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và hỗ trợ kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai năm 2024, 2025, với nội dung sau:

1. Phê duyệt danh sách hỗ trợ kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai năm 2024, 2025, theo biểu đính kèm.

2. Tổng kinh phí hỗ trợ: 31.279.431.000 đồng.

Số tiền bằng chữ: Ba mươi một tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi một ngàn đồng chẵn.

Trong đó:

+ Hỗ trợ kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai năm 2024: 15.492.891.000 đồng.

+ Hỗ trợ kinh phí khắc phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai năm 2025: 15.849.540.000 đồng

(Chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Phòng Kinh tế có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn kinh phí đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND & UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng phòng KBNN Khu vực XII - Phòng Giao dịch số 10 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- Ban TT UBMTTQVN xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Thái Nam Sơn

BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI NĂM 2024

(Năm 2024)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng số tiền hỗ trợ	Trong đó: 100%			
			Giống cây trồng	Lâm nghiệp	Giống thủy, hải sản	Chăn nuôi
		15.429,891	484,907	37,800	13.292,799	1.614,385
1	Thôn Duy Viên	282,500	50,170		103,695	128,635
2	Thôn Tiên Lai	307,836	20,461			287,375
3	Thôn Đặng Xá	240,993	23,298		44,040	173,655
4	Thôn Lâm Cao	304,353	33,978		87,675	182,700
5	Thôn Quảng Xá	1.643,664	35,026		1377,513	231,125
6	Thôn Tiên Mỹ 1	23,055			23,055	
7	Thôn Tiên Mỹ 2	184,032	42,624		79,538	61,870
8	Thôn Phan Hiền	5.105,381	44,625		4761,506	299,250
9	Thôn Nam Sơn	20,985			20,985	
10	Thôn Tiên An	683,124			670,809	12,315
11	Thôn Lê Xá	64,490			56,685	7,805
12	Thôn Huỳnh Hạ	2.731,745	16,455		2620,670	94,620
13	Thôn Huỳnh Thượng	2.608,613			2585,418	23,195
14	Thôn Minh Phước	261,075	134,175		126,900	
15	Thôn Thủy Ba Đông	150,000			150,000	
16	Thôn Đức Xá	282,495			178,965	103,530
17	Thôn Thủy Ba Tây	24,150			24,150	
18	Thôn Thủy Ba Hạ	141,570			141,570	
19	Thôn Linh Hải	194,550	74,925		119,625	
20	Tân Thủy	175,280	9,170	37,800	120,000	8,310

**BẢNG TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ
ĐỂ KHÔI PHỤC SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÙNG BỊ THIỆT HẠI DO
THIÊN TAI NĂM 2025**

(Từ ngày 9 tháng 01 năm 2025 đến ngày 13 tháng 6 năm 2025)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Địa phương	Tổng số tiền hỗ trợ (100%)		
		Tổng cộng	Giống Thực vật	Giống thủy, hải sản
	Tổng cộng	15.849,540	11.305,090	4.544,450
1	Thôn Duy Viên	914,130	914,130	
2	Thôn Tiên Lai	377,360	373,760	3,600
3	Thôn Đặng Xá	497,870	445,370	52,500
4	Thôn Lâm Cao	686,540	604,040	82,500
5	Thôn Quảng Xá	1689,690	917,410	772,280
6	Thôn Tiên Mỹ 1	970,100	970,100	
7	Thôn Tiên Mỹ 2	1252,250	1252,250	
8	Thôn Phan Hiền	2826,760	194,290	2632,470
9	Thôn Nam Sơn	576,830	576,830	
10	Thôn Tiên An	628,290	628,290	
11	Thôn Lê Xá	402,260	368,510	33,750
12	Thôn Huỳnh Hạ	967,350		967,350
13	Thôn Huỳnh Thượng	338,290	338,290	
14	Thôn Thủy Ba Đông	883,210	883,210	
15	Thôn Đức Xá	921,110	921,110	
16	Thôn Thủy Ba Tây	1124,440	1124,440	
17	Thôn Thủy Ba Hạ	695,860	695,860	
18	Thôn Linh Hải	97,200	97,200	